

Bản án số: 431/2022/HS-ST  
Ngày 15-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đặng Thị Huệ Tú

2. Ông Huỳnh Trường Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Lệ Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 364/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4712/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Phạm Ngọc H**, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 09/01/1976 tại: Thành phố Hà Nội; HKTT: 77/219 Đ, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở: 28/17 H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Phạm Thế N (chết) và bà Cung Thị Minh Ng; Vợ: Trần Tuyết V, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Ngày 27/5/1997, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành án tại Trại giam Thanh Chương, Bộ Công an, đến ngày 31/8/1998 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 26/3/1999, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, Bộ Công an, đến tháng 8/2001 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 16/11/2004, bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 474/HSST ngày 16/11/2004), chấp hành án tại Trại giam Tân Kỳ, Bộ Công an, đến ngày 15/02/2007 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 10/6/2019 (Có mặt)

2. **Trần Tuyết V**; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 22/5/1979 tại: Thành phố Hà Nội; HKTT: 29 M, phường H, quận H1, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở: 28/17 H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Trần Anh Đ (chết) và bà Ngô Thị Tuyết M; Chồng: Phạm Ngọc H, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 10/6/2019 (Có mặt).

3. **Vũ Trung K**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/6/1993; tại: tỉnh Thái Nguyên; HKTT: X, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: X, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Vũ Hồng K và bà Nguyễn Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 25/6/2021 (Có mặt).

4. **Nguyễn Tiên T**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 03/10/1993 tại: tỉnh Thái Nguyên; HKTT: xóm T, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Ngày 17/7/2013, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (bản án số 284/2013/HSST), chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Đến ngày 12/12/2013 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 26/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt T 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (bản án số 107/2014/HSST), chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Bộ Công an. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/4/2016.

+ Ngày 20/01/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh tạm giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 12/5/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ tuyên phạt 24 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị tạm giam từ ngày 12/01/2020 tại trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên đến ngày 12/5/2021 chuyển đến chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Bộ Công an, chuyển về trại tạm giam Chí Hòa ngày 24/5/2022. (Có mặt).

5. **Ngô Hoàng H**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 24/4/1993 tại: tỉnh Hà Nam; HKTT và chỗ ở: B, xã T, Thành phố P, tỉnh Hà Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Ngô Chí V và bà Phạm Thanh L ; Vợ: Bùi Thị M có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 31/5/2021 (Có mặt).

**6. Nguyễn Tuấn A;** Giới tính: Nam; Sinh ngày 19/3/1993 tại: tỉnh Thái Nguyên; HKTT: xóm T, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: thôn B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Trung C và bà Nguyễn Thị B (chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án:

+ Tại bản án số 03/2011/HSST ngày 18/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt tội 42 tháng tù về tội “Cướp tài sản”

+ Tại bản án số 93/2011/HSST ngày 14/4/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

+ Tại bản án số 51/2011/HSST ngày 18/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”

+ Ngày 21/9/2011, Chánh án Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định tổng hợp bản án hình sự số 01/2011/QĐ-CA đối với 03 bản án trên, hình phạt chung là 11 năm 06 tháng tù. Thi hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Bộ Công an, được xét giảm 05 lần với tổng thời gian 03 năm 05 tháng. Ngày 08/11/2018 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1972

Địa chỉ: 331/22B T, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Trịnh Thị Ngọc D, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: 465/26 Nguyễn Văn C, Phường C, quận G, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

3. Nguyễn Quốc K, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: 84/70 N, Phường E, quận T, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

4. Phạm Kim T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: 52 đường 61 phường T, thành phố T1, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

5. Trịnh Thị T2, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: 595 H, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

6. Hoàng Văn H, sinh năm: 2000

Địa chỉ: 52/2 đường 61, phường T, thành phố T1, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

7. Trần Thị B, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: 212/160 N, phường T, Quận A, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

8. Vũ Thị T, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: 403 Lô A, chung cư 43 H, phường A, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

9. Nguyễn Hồng T, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: 74/17/4 T, Phường A, Quận P, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

10. Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: 270/68/3 P, Phường A, quận P, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

11. Phương Văn T4, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: 101/2K N, Phường K, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

12. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: 2/8 N, phường Đ, Quận A, Tp Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

13. Đỗ Thị H, sinh năm: 1943.

Địa chỉ: 207/17 N, Phường A, quận P, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

14. Ngô Thị Mỹ D1, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: 67/C1 Đ, Phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

15. Huỳnh Thị Thanh N1, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: 207/37 Nguyễn Trọng T, Phường B, quận P, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

16. Vương N, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: 11/29 N, Phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

17. Trần Kim V, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: 65/14D N, Phường B, quận P, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

18. Nguyễn Văn A, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: 69/17/4 N, Phường F, quận Đ, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

19. Cao Thùy V, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: 45/4/28 H, Phường L, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

20. Trương Thị L, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: 194/50/72 B, Phường E, quận T, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

21. Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: 277/71/43E B, Phường L, Quận S, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

22. Nguyễn Thị V, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: 13 đường 14 phường D, Quận K, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

23. Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1985.  
Địa chỉ: 201/9 H, Phường A, quận P, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)
24. Nguyễn Thị Bích P, sinh năm: 1967.  
Địa chỉ: 243/2A P, quận L, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)
25. Lê T5i V, sinh năm: 1983  
Địa chỉ: 79/1 P, Phường E, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)
26. Trần Thị Tuyết N, sinh năm: 1992.  
Địa chỉ: 88/24 N, Phường E, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)
27. Phạm Tuyết N, sinh năm: 1992  
Địa chỉ: 129/23/1 H, Phường E, quận P, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)
28. Bùi Hồng N, sinh năm: 1992.  
Địa chỉ: 92B/15 T, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)
29. Nguyễn Thị Ngọc T3, sinh năm: 1973.  
Địa chỉ: 443/49 Đ, Phường E, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)
30. Hồ Xuân H, sinh năm: 1963.  
Địa chỉ: 256 T, Phường R, Quận K, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)
31. Phạm Anh L, sinh năm: 1976  
Địa chỉ: 155/4A T, Phường H, Quận L, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)
32. Lê Tấn L1, sinh năm: 1982  
Địa chỉ: 118/6 T, Phường G, quận H, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)
33. Huỳnh Thị Phi P, sinh năm: 1967  
Địa chỉ: 76/4/41, Phường K, quận L, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)
34. Phan Anh T3, sinh năm: 1970  
Địa chỉ: 45/2B N, Phường A, quận P, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)
35. Dương Hoàng L, sinh năm: 1987  
Địa chỉ: 23/4/7 H, Phường A, quận P, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)
36. Hàng Phương A, sinh năm: 1979.  
Địa chỉ: 18 T, Phường D, quận N, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)
37. Nguyễn Quang H1, sinh năm: 1966.  
Địa chỉ: 508/6D C, Phường R, quận T, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)
38. Nguyễn Tiến N, sinh năm: 1976.  
Địa chỉ: 76/47/2 P, Phường K, quận L, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

39. Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: 1593/33 P, Phường Q, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

40. Lê Văn T, sinh năm: 1966

Địa chỉ: 168A4 T, Phường E, quận P, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

41. Hồ Mộng T, sinh năm: 1979

Địa chỉ: 40/40C (số mới 58/22/36F) P, Phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

42. Nguyễn Thị Mỹ T3, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: 126B Võ Trứ, Phường 9, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

43. Nguyễn Kim H, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: 43/535 Dã T, Phường F, Quận L, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

44. Đỗ Thị Thu H1, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: 839/21 L, Phường H, Quận K, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

45. Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: 69/24A N, Phường A, quận P, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

46. Nguyễn Ngọc Vinh T, sinh năm: 1979

Địa chỉ: 181/43/5 P, Phường A, quận P, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

47. Nguyễn Vũ H3, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 15/42 T, Phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

48. Phạm Thị Phương C, sinh năm:

Địa chỉ: 76A/9/2 T, Phường K, quận P, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

49. Lê Thanh T, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: 9/23 Hoàng Văn T, Phường L, quận P, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 10/6/2019, Phòng Cảnh sát hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công an quận Phú Nhuận tiến hành kiểm tra hành chính căn nhà số 28/17 H, Phường 15, quận Phú Nhuận, phát hiện Phạm Ngọc H và Trần Tuyết V có hành vi cất giấu nhiều gói nylon chứa các chất ma túy ở thể rắn tại lavabo trong phòng vệ sinh của căn phòng tại lầu 2 căn nhà, gồm: 06 gói nylon hàn kín chứa chất bột màu trắng; 01 gói nylon hàn kín có chứa: 07 viên nén màu xanh rêu có khắc chữ Redbull, 01 mảnh vụn viên nén màu xanh rêu, 01 mảnh vụn viên nén màu xanh dương; 01 gói nylon hàn kín chứa 12 viên nén màu xanh lá cây và 02 mảnh vụn viên nén màu xanh lá cây; 01

gói nylon chứa 07 viên nén màu vàng; 01 gói nylon chứa chất bột màu vàng; 01 gói nylon chứa 03 viên nén tròn, màu xám.

Qua giám định nhanh tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh có kết quả: 06 gói nylon chứa chất bột màu trắng là Ketamine có khối lượng 4,4227 gam; 01 mảnh vụn viên nén màu xanh dương là MDMA có khối lượng 0,2337 gam; 01 gói nylon chứa 12 viên nén màu xanh lá cây và 02 mảnh vụn viên nén màu xanh lá cây là MDMA có khối lượng 4,2740 gam; 01 gói nylon chứa 07 viên nén màu vàng là MDMA có khối lượng 2,7852 gam; 01 gói nylon chứa chất bột màu vàng là MDMA có khối lượng 1,3073 gam; 03 viên nén tròn màu xám là Tenamphetamine có khối lượng 1,1448 gam, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Ngọc H và Trần Tuyết V về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Ngoài ra, qua khám xét khẩn cấp, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của Phạm Ngọc H 01 khẩu súng bằng kim loại màu bạc và 04 viên đạn bằng kim loại màu vàng, 01 cây ba khúc, 01 còng số 8, 01 roi điện, 01 máy tính hiệu Apple Macbook, 01 thùng giấy đựng các hồ sơ cho vay tiền. Cơ quan Cảnh sát điều tra triệu tập các đối tượng Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Tiến T, Ngô Hoàng H, Vũ Trung K (là các đối tượng phụ giúp cho H, V trong việc cho vay) có mặt tại căn nhà trên về trụ sở làm rõ.

Quá trình điều tra xác định: Từ năm 2018, H và V thường xuyên đến các quán Bar để sử dụng ma túy, sau khi mua ma túy tại các quán Bar, số ma túy còn dư, V và H thường mang về nhà cất giấu để tiếp tục sử dụng. Ngày 09/6/2019, H và V đến quán Bar số 5 Lý Tự Trọng, Quận 1. Tại đây, H, V mua nhiều loại ma túy của đối tượng tên Phương (không rõ lai lịch) để H và V sử dụng chung. Số ma túy còn dư lại, H và V mang về cất giấu tại căn nhà trên thì bị công an kiểm tra, bắt quả tang.

Ngoài ra, H và V còn tổ chức hoạt động cho vay lấy lãi của nhiều người, cụ thể như sau: Khoảng đầu năm 2014, vợ chồng H, V vào Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động cho vay lấy lãi. Đến tháng 02/2019, H, V thuê nhà tại địa chỉ 28/17 H, Phường C, quận P để sinh sống và hoạt động cho vay; phụ giúp cho H, V là Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Tiến T, Ngô Hoàng H, Vũ Trung K có nhiệm vụ đi rải tờ rơi, sử dụng card điện thoại để quảng cáo việc cho vay và làm thủ tục hồ sơ vay tiền, xác minh nơi ở người vay, đi thu tiền lãi, tiền góp hàng ngày. H, V trả tiền công mỗi người từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng, bao ăn, ở và tiền xăng, xe. H, V sử dụng tiền lãi có được từ hoạt động cho vay để trả tiền công cho Tuấn A, T, H, K. Trong đó, K được trả công số tiền 45.000.000 đồng; T được trả công số tiền 35.000.000 đồng; H được trả công số tiền 12.000.000 đồng; Tuấn A được trả công số tiền 4.000.000 đồng.

Khi tìm được khách vay tiền thì H, V soạn thảo hợp đồng vay và yêu cầu người vay tiền thế chấp các giấy tờ như sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân,

thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe, hoặc các giấy tờ liên quan đến người vay (bản chính hoặc bản photocopy). Số tiền cho vay từ 2.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng theo 02 hình thức:

Vay tiền góp: lãi suất từ 15% đến 30%/tháng (tương đương 180% đến 360%/năm), cộng với tiền gốc vay chia đều đóng hàng ngày trong khoảng từ 24 - 42 ngày. Ngoài ra, khi vay và đáo hạn, người vay còn có thể đóng thêm phí làm hồ sơ, cao nhất là 10% trên số tiền vay.

Vay tiền đứng: người vay trả lãi với mức lãi suất 1% đến 1,5%/ngày (tương đương 30% đến 45%/tháng, tương đương 360% đến 540%/năm), khi nào người vay có khả năng trả hết tiền gốc thì không đóng tiền lãi nữa. Ngoài ra, khi vay và đáo hạn, người vay còn có thể đóng thêm phí làm hồ sơ, cao nhất là 10% trên số tiền vay.

❖ Trong 47 hồ sơ cho vay do H, V và các đồng phạm thực hiện, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra, cụ thể như sau: Những trường hợp H cùng đồng bọn cho vay tiền như sau:

– Vay góp:

\* Những người vay tiền có khoản vay đã tất toán:

1. H làm hồ sơ cho bà Nguyễn Thị Ngọc L(sinh năm: 1972; nơi cư trú: 331/22B T, Phường A, quận B) vay 06 lần, cụ thể như sau:

1.1.Lần thứ nhất:

Ngày 06/11/2014, H làm hồ sơ cho bà L vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 250.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 500.000 đồng. Người đi thu tiền là người của H (không rõ tên), bà L đã trả được 24 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp vướng mắc trong quá trình giải quyết vụ án hình sự ... thì: “Lãi suất vay do các bên tự thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản vay ...”. Như vậy, lãi suất cao nhất được Nhà nước quy định hiện nay là 20%/1 năm, tương đương 0,056%/1 ngày. Do đó, khoản tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự.

Bà L đã vay số tiền 5.000.000 đồng của H thì chỉ đóng tiền lãi theo lãi suất cao nhất là 0,056%/1 ngày, do vậy mỗi ngày bà L chỉ phải đóng tiền lãi là 2.740



đồng. Số tiền lãi mà bà L phải trả trong 24 ngày là  $2.740 \text{ đồng} \times 24 \text{ ngày} = 65.753 \text{ đồng}$ . Do đó, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà L vay 5.000.000 đồng là  $1.000.000 \text{ đồng} - 65.753 \text{ đồng} = 934.247 \text{ đồng}$ .

#### 1.2.Lần thứ hai:

Đến tháng 12/2014, bà L vay tiếp số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 300.000 đồng. Bà L đã trả được 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.000.000 đồng và số tiền lãi là 600.000 đồng.

Theo cách tính như trên, bà L chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.644 đồng và trong 24 ngày là 39.452 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà L vay 3.000.000 đồng là  $600.000 \text{ đồng} - 39.452 \text{ đồng} = 560.548 \text{ đồng}$ .

#### 1.3.Lần thứ ba:

Đến tháng 01/2015, bà L vay tiếp số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 300.000 đồng. Bà L đã trả được 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.000.000 đồng và số tiền lãi là 600.000 đồng.

Theo cách tính như trên, bà L chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.644 đồng và trong 24 ngày là 39.452 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà L vay 3.000.000 đồng là  $600.000 \text{ đồng} - 39.452 \text{ đồng} = 560.548 \text{ đồng}$ .

#### 1.4.Lần thứ tư:

Đến tháng 02/2015, bà L tiếp tục vay số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 300.000 đồng. Bà L đã trả được 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.000.000 đồng và số tiền lãi là 600.000 đồng.

Theo cách tính như trên, bà L chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.644 đồng và trong 24 ngày là 39.452 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà L vay 3.000.000 đồng là  $600.000 \text{ đồng} - 39.452 \text{ đồng} = 560.548 \text{ đồng}$ .

#### 1.5. Lần thứ năm:

Đến tháng 3/2015, bà L tiếp tục vay số tiền 4.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 200.000 đồng, trong thời gian 24 ngày

với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 400.000 đồng. Bà L đã trả được 24 ngày với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.000.000 đồng và số tiền lãi là 800.000 đồng.

Theo cách tính như trên, bà L chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 2.192 đồng và trong 24 ngày là 52.603 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà L vay 4.000.000 đồng là  $800.000 \text{ đồng} - 52.603 \text{ đồng} = 747.397 \text{ đồng}$ .

#### 1.6.Lần thứ sáu:

Đến tháng 4/2015, bà L tiếp tục vay số tiền 4.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 200.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 400.000 đồng. Bà L đã trả được 16 ngày với tổng số tiền là 3.200.000 đồng. Như vậy, bà L còn thiếu số tiền thực nhận là 400.000 đồng. Như vậy, H chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này.

Như vậy: các lần cho vay tiền trên, H đã thu lãi được 3.600.000 đồng, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính là 3.363.288 đồng và 2.200.000 đồng tiền phí hồ sơ.

Tiến hành cho bà L nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà L nhận dạng được H là người cho vay tiền.

2. Ngày 01/01/2017, H làm hồ sơ cho bà Trịnh Thị Ngọc D (sinh năm: 1964; nơi cư trú: 22 Lý Thái Tổ, phường 2, quận 10) vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, phí vay là 500.000 đồng, mỗi ngày trả góp số tiền 500.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, người đi thu tiền là H. Trong quá trình vay, do bà D không có tiền trả nên cứ trả góp cho H được 17 ngày với tổng số tiền 8.500.000 đồng thì tiếp tục vay góp của H số tiền 10.000.000 đồng để đáo hạn. Sau khi trừ đi số tiền vay còn phải thiếu lần vay trước là 4.000.000 đồng, tiền phí hồ sơ là 500.000 đồng/01 lần đáo hạn, H đưa cho bà D số tiền còn lại 5.500.000 đồng. Như vậy, trong mỗi lần vay tiền để đáo hạn, bà D đã tất toán cho khoản vay mà bà D đã vay trước, do vậy số tiền lãi mà bà D đã đóng là 2.500.000 đồng.

Theo cách tính như trên, bà D chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 25 ngày là 136.986 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà D vay 10.000.000 đồng là  $2.500.000 \text{ đồng} - 136.986 \text{ đồng} = 2.363.014 \text{ đồng}$ .

Đến tháng 8/2017, bà D đã đáo hạn được 08 lần, như vậy tổng số tiền lãi bà D đã đóng cho lần vay đầu và 08 lần đáo hạn, mỗi lần thu lãi là 2.500.000 đồng x 9 lần = 22.500.000 đồng nên tổng số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính là

$2.363.014 \text{ đồng} \times 9 \text{ lần} = 21.267.126 \text{ đồng}$ , số tiền phí đáo hạn là  $500.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ lần} = 4.500.000 \text{ đồng}$ .

Do bà D mất khả năng trả góp tiếp nên đến tháng 9/2017, H nói số tiền gốc và lãi hiện tại là  $20.000.000 \text{ đồng}$ , H sẽ chuyển số tiền này thành vay đứng, lãi suất  $30\%/01 \text{ tháng}$ , hằng ngày cứ  $1.000.000 \text{ đồng}$  thì phải đóng tiền lãi là  $100.000 \text{ đồng}$ , bà D đồng ý. Mỗi tháng, bà D phải trả lãi số tiền là  $6.000.000 \text{ đồng}$ , cứ 15 ngày trả lãi 01 lần. Bà D đã trả lãi được 06 lần với tổng số tiền  $18.000.000 \text{ đồng}$  và chưa trả được số tiền gốc là  $20.000.000 \text{ đồng}$ . Theo cách tính như trên, bà D chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là  $10.959 \text{ đồng}$  và trong 90 ngày là  $986.301 \text{ đồng}$ . Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà D vay số tiền  $20.000.000 \text{ đồng}$  là  $18.000.000 \text{ đồng} - 986.301 \text{ đồng} = 17.013.699 \text{ đồng}$ .

Tóm lại, tổng số tiền lãi bà D đã đóng cho H là  $40.500.000 \text{ đồng}$ , như vậy số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính là  $38.280.825 \text{ đồng}$ . Ngoài ra, khi làm hồ sơ vay lần đầu và mỗi lần đáo hạn, bà L phải đóng tiền phí hồ sơ là  $500.000 \text{ đồng}$  với tổng số tiền là  $4.500.000 \text{ đồng}$ .

Tiến hành cho bà D nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà D nhận dạng được H là người đã trực tiếp gặp, hướng dẫn ghi giấy vay tiền và cho vay tiền.

3. Ngày 09/06/2017, H làm hồ sơ cho ông Nguyễn Quốc K (sinh năm: 1996; nơi cư trú: 84/70 N, phường E, quận T) vay số tiền  $3.000.000 \text{ đồng}$  với lãi suất  $25\%/1 \text{ tháng}$ , mỗi ngày trả góp số tiền  $150.000 \text{ đồng}$ , trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là  $3.600.000 \text{ đồng}$ , tiền phí làm hồ sơ là  $150.000 \text{ đồng}$ . Người đi thu tiền là H, Long (không rõ lai lịch), ông K đã trả được 24 ngày với tổng số tiền là  $3.600.000 \text{ đồng}$ , trong đó số tiền gốc là  $3.000.000 \text{ đồng}$  và số tiền lãi là  $600.000 \text{ đồng}$ . Theo cách tính như trên, ông K chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là  $1.644 \text{ đồng}$  và trong 24 ngày là  $39.452 \text{ đồng}$ . Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông K vay  $3.000.000 \text{ đồng}$  là  $600.000 \text{ đồng} - 39.452 \text{ đồng} = 560.548 \text{ đồng}$ .

Đến ngày 26/08/2017, ông K tiếp tục vay số tiền  $10.000.000 \text{ đồng}$  với lãi suất  $23\%/1 \text{ tháng}$ , mỗi ngày trả góp số tiền  $400.000 \text{ đồng}$ , trong thời gian 31 ngày với tổng số tiền là  $12.400.000 \text{ đồng}$ , phí làm hồ sơ là  $500.000 \text{ đồng}$ . Ông K đã trả được 31 ngày với tổng số tiền là  $12.400.000 \text{ đồng}$ , trong đó số tiền gốc là  $10.000.000 \text{ đồng}$  và số tiền lãi là  $2.400.000 \text{ đồng}$ . Theo cách tính như trên, ông K chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là  $5.479 \text{ đồng}$  và trong 31 ngày là  $169.863 \text{ đồng}$ . Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông K vay  $10.000.000 \text{ đồng}$  là  $2.400.000 \text{ đồng} - 169.863 \text{ đồng} = 2.230.137 \text{ đồng}$ .

Như vậy: các lần cho vay tiền trên, H đã thu lãi được  $3.000.000 \text{ đồng}$ , do

vậy số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính là 2.790.685 đồng và 650.000 đồng tiền phí hồ sơ.

Tiến hành cho ông K nhận dạng qua ảnh, kết quả: ông K nhận dạng được H là người cho vay tiền.

4. Ngày 03/01/2018, H làm hồ sơ cho bà Phạm Kim T1 (sinh năm: 1993; nơi cư trú: 79 đường A, phường T, quận F) vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 17%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 450.000 đồng, trong thời gian 41 ngày với tổng số tiền là 18.450.000 đồng, phí làm hồ sơ là 750.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà T1 đã trả được 41 ngày với tổng số tiền là 18.450.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 15.000.000 đồng và số tiền lãi là 3.450.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà T1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 8.219 đồng và trong 41 ngày là 336.986 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà T1 vay 15.000.000 đồng là  $3.450.000 \text{ đồng} - 336.986 \text{ đồng} = 3.113.014 \text{ đồng}$ .

Tiến hành cho bà T1 nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà T1 nhận dạng được H là người cho vay tiền, T là người đi thu tiền góp.

5. Ngày 20/04/2018, H làm hồ sơ cho bà Trịnh Thị T2 (sinh năm: 1963; nơi cư trú: 595 H, phường A, quận B) vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 20%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 400.000 đồng, trong thời gian 30 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Người đi thu tiền là người của H (không rõ tên), bà T2 đã trả được 30 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà T2 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 30 ngày là 164.384 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà T2 vay 10.000.000 đồng là  $2.000.000 \text{ đồng} - 164.384 \text{ đồng} = 1.835.616 \text{ đồng}$ .

Tiến hành cho bà T2 nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà T2 nhận dạng được H là người cho vay tiền.

6. Ngày 15/05/2018, H làm hồ sơ cho ông Hoàng Văn H (sinh năm: 2000; nơi cư trú: 52/2 đường 61, phường T, quận E) vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 15%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 300.000 đồng, trong thời gian 40 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 500.000 đồng. Người đi thu tiền là người của H (không rõ tên), ông Học đã trả được 40 ngày với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, ông Học chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 40 ngày là 219.178 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông Học vay 10.000.000 đồng là  $2.000.000 \text{ đồng} - 219.178 \text{ đồng} =$

1.780.822 đồng.

Tiến hành cho ông Học nhận dạng qua ảnh, kết quả: ông Học nhận dạng được H là người cho vay tiền.

7. Ngày 28/10/2018, H làm hồ sơ cho bà Trần Thị B (sinh năm: 1976; nơi cư trú: 212/160 N, phường T, quận A) vay số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 3.750.000 đồng, phí làm hồ sơ là 300.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà B1 đã trả được 25 ngày với tổng số tiền là 3.750.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.000.000 đồng và số tiền lãi là 750.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà B1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.644 đồng và trong 25 ngày là 41.096 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà B1 vay 3.000.000 đồng là 750.000 đồng - 41.096 đồng = 708.904 đồng.

Đến ngày 22/11/2018, bà B1 tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 500.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 12.500.000 đồng. Bà B1 đã trả được 25 ngày với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.500.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà B1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 25 ngày là 136.986 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà B1 vay 10.000.000 đồng là 2.500.000 đồng - 136.986 đồng = 2.363.014 đồng.

Đến ngày 15/12/2018, bà B1 tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 500.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, phí làm hồ sơ là 1.000.000 đồng. Bà B1 đã trả được 25 ngày với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.500.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà B1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 25 ngày là 136.986 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà B1 vay 10.000.000 đồng là 2.500.000 đồng - 136.986 đồng = 2.363.014 đồng.

Đến ngày 01/01/2019, bà B1 tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 500.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 12.500.000 đồng. Bà B1 đã trả được 25 ngày với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.500.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà B1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 25 ngày là 136.986 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc

cho bà B1 vay 10.000.000 đồng là 2.500.000 đồng - 136.986 đồng = 2.363.014 đồng.

Đến giữa tháng 01/2019, bà B1 tiếp tục vay đứng số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 100.000 đồng còn tiền gốc thì giữ nguyên, phí làm hồ sơ là 1.000.000 đồng. Bà B1 đã trả được 25 ngày với tổng số tiền lãi là 2.500.000 đồng, bà B1 trả đến ngày 10/02/2019 thì không trả được lãi nữa nên H đồng ý cho trả tiền gốc và bà B1 đã trả được 6.000.000 đồng tiền gốc, hiện bà B1 còn thiếu 4.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà B1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 25 ngày là 136.986 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà B1 vay 10.000.000 đồng là 2.500.000 đồng - 136.986 đồng = 2.363.014 đồng.

Tóm lại: các lần cho bà B1 vay tiền trên, H đã thu lãi được 10.750.000 đồng, như vậy số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính là 10.342.959 đồng và 2.300.000 đồng tiền phí hồ sơ.

Tiến hành cho bà B1 nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà B1 nhận dạng được H là người cho vay và T là người đi thu tiền.

8. Ngày 23/12/2018, T làm hồ sơ cho bà Vũ Thị T (sinh năm: 1964; nơi cư trú: 403 Lô A chung cư 43 H, phường A, quận Phú Nhuận) vay của H số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 23%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 200.000 đồng, trong thời gian 31 ngày với tổng số tiền là 6.200.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 500.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà Thương đã trả được 31 ngày với tổng số tiền là 6.200.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.200.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà Thương chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 2.740 đồng và trong 31 ngày là 84.932 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà Thương vay 5.000.000 đồng là 1.200.000 đồng - 84.932 đồng = 1.115.068 đồng. Cơ quan CSĐT mời bà Thương để tổ chức nhận dạng nhưng bà Thương không đến làm việc nên không tiến hành được.

9. Ngày 01/02/2019, T làm hồ sơ cho bà Nguyễn Hồng T1 (sinh năm: 1976; nơi cư trú: 74/174 T, phường A, quận P) vay của H số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 24%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 240.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà T1 đã trả được 25 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà T1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 2.740 đồng và trong 25 ngày là 68.493 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà T1 vay 5.000.000 đồng là 1.000.000 đồng -

68.493 đồng = 931.507 đồng. Cơ quan CSĐT mời bà T1 để tổ chức nhận dạng nhưng bà T1 không đến làm việc nên không tiến hành được.

10. Ngày 21/02/2019, T làm hồ sơ cho bà Nguyễn Thị Kim P1 (sinh năm: 1967; nơi cư trú: 102/6 H, phường A, quận P) vay của H số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 250.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 500.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà P1 đã trả được 25 ngày với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.250.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà P1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 2.740 đồng và trong 25 ngày là 68.493 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà P1 vay 5.000.000 đồng là 1.250.000 đồng - 68.493 đồng = 1.181.507 đồng. Cơ quan CSĐT mời bà P1 để tổ chức nhận dạng nhưng bà P1 không đến làm việc nên không tiến hành được.

11. Ngày 26/03/2019, T làm hồ sơ cho ông Phương Văn T1 (sinh năm: 1958; nơi cư trú: 101/2K N, phường A, quận B) vay của H số tiền 2.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 100.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 2.500.000 đồng, người đi thu tiền là T, ông T1 đã trả được 10 ngày với tổng số tiền là 1.000.000 đồng thì không có khả năng trả nữa nên xin đáo hạn và nâng số tiền vay lên thành 4.000.000 đồng. Sau khi trừ đi tiền ông T1 còn thiếu là 1.500.000 đồng, T đưa cho ông T1 số tiền vay còn lại là 2.500.000 đồng. Do vậy, ông T1 đã tất toán khoản vay, số tiền lãi mà ông T1 đã đóng là 500.000 đồng. Theo cách tính như trên, ông T1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.096 đồng và trong 25 ngày là 27.397 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông T1 vay 2.000.000 đồng là 500.000 đồng - 27.397 đồng = 472.603 đồng.

Đối với khoản vay mới là 4.000.000 đồng, ông T1 cũng phải vay trong thời gian 25 ngày với lãi suất 30%/01 tháng, mỗi ngày ông T1 phải trả góp số tiền 200.000 đồng với tổng số tiền là 5.000.000 đồng. Cũng như lần vay trước, ông T1 trả tiền góp được 10 ngày với tổng số tiền là 2.000.000 đồng thì không còn khả năng đóng nữa nên xin vay đáo hạn lại số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền ông T1 còn thiếu là 3.000.000 đồng, T đưa cho ông T1 số tiền vay còn lại là 1.000.000 đồng. Do vậy, ông T1 đã tất toán khoản vay này, số tiền lãi mà ông T1 đã đóng là 1.000.000 đồng, theo cách tính như trên, ông T1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 2.192 đồng và trong 25 ngày là 54.795 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông T1 vay 4.000.000 đồng là 1.000.000 đồng - 54.795 đồng = 945.205 đồng. Ông T1 đã tất toán được 07 lần nữa, do vậy tổng số tiền

lãi mà ông T1 đã đóng là  $1.000.000 \text{ đồng} \times 8 \text{ lần} = 8.000.000 \text{ đồng}$ , như vậy số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính là  $7.561.644 \text{ đồng}$ .

Ngoài ra, khi vay và đáo hạn lần đầu, ông T1 phải nộp tiền phí hồ sơ là  $200.000 \text{ đồng/1 lần}$  với tổng số tiền là  $400.000 \text{ đồng}$ ; còn 07 lần đáo hạn sau, ông T1 nộp phí là  $100.000 \text{ đồng/1 lần}$  với tổng số tiền là  $700.000 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền phí hồ sơ ông T1 phải đóng là  $1.100.000 \text{ đồng}$ .

Tóm lại, số tiền lãi mà ông T1 đã nộp là  $8.500.000 \text{ đồng}$ , như vậy số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính là  $8.034.247$  và phí hồ sơ số tiền  $1.100.000 \text{ đồng}$ .

Tiến hành cho ông T1 nhận dạng qua ảnh, kết quả: ông T1 nhận dạng được T là người cho vay và thu tiền góp.

12. Ngày 28/03/2019, T làm hồ sơ cho bà Nguyễn Thị Kim L (sinh năm: 1965; nơi cư trú: 2/8 N, phường Đ, quận A) vay của H số tiền  $2.000.000 \text{ đồng}$  với lãi suất  $30\%/1 \text{ tháng}$ , mỗi ngày trả góp số tiền  $100.000 \text{ đồng}$ , trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là  $2.500.000 \text{ đồng}$ , tiền phí làm hồ sơ là  $200.000 \text{ đồng}$ . Người đi thu tiền là T, bà L đã trả được 25 ngày với tổng số tiền là  $2.500.000 \text{ đồng}$ , trong đó số tiền gốc là  $2.000.000 \text{ đồng}$  và số tiền lãi là  $500.000 \text{ đồng}$ . Theo cách tính như trên, bà L chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là  $1.096 \text{ đồng}$  và trong 25 ngày là  $27.397 \text{ đồng}$ . Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà L vay  $2.000.000 \text{ đồng}$  là  $500.000 \text{ đồng} - 27.397 \text{ đồng} = 472.603 \text{ đồng}$ .

Đến ngày 01/05/2019, bà L tiếp tục vay số tiền  $2.000.000 \text{ đồng}$  với lãi suất  $30\%/1 \text{ tháng}$ , mỗi ngày trả góp số tiền  $100.000 \text{ đồng}$ , trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là  $2.500.000 \text{ đồng}$ . Bà L đã trả được 12 ngày với tổng số tiền là  $1.200.000 \text{ đồng}$ . Do vậy, H chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này.

Do vậy: các lần cho vay tiền trên, H đã thu lãi được  $500.000 \text{ đồng}$ , như vậy số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính là  $472.603 \text{ đồng}$  và  $200.000 \text{ đồng}$  tiền phí hồ sơ.

Tiến hành cho bà L nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà L nhận dạng được T là người cho vay và thu tiền góp.

13. Ngày 02/04/2019, T làm hồ sơ cho bà Đỗ Thị H1 (sinh năm: 1943; nơi cư trú: 207/17 N, phường A, quận P) vay của H số tiền  $4.000.000 \text{ đồng}$  với lãi suất  $30\%/1 \text{ tháng}$ , mỗi ngày trả góp số tiền  $200.000 \text{ đồng}$ , trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là  $5.000.000 \text{ đồng}$ , phí làm hồ sơ là  $300.000 \text{ đồng}$ . Người đi thu tiền là T, bà H1 đã trả được 25 ngày với tổng số tiền là  $5.000.000 \text{ đồng}$ , trong đó số tiền gốc là  $4.000.000 \text{ đồng}$  và số tiền lãi là  $1.000.000 \text{ đồng}$ . Theo cách tính như trên, bà H1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp



luật cho phép mỗi ngày là 2.192 đồng và trong 25 ngày là 54.795 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà H1 vay 4.000.000 đồng là  $1.000.000 \text{ đồng} - 54.795 \text{ đồng} = 945.205 \text{ đồng}$ .

Đến ngày 23/05/2019, bà H1 tiếp tục vay số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 3.750.000 đồng. Bà H1 đã trả được 22 ngày với tổng số tiền là 3.300.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.000.000 đồng và số tiền lãi là 300.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà H1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.644 đồng và trong 25 ngày là 36.164 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà Hai vay 3.000.000 đồng là  $660.000 \text{ đồng} - 36.164 \text{ đồng} = 263.836 \text{ đồng}$ .

Tóm lại: các lần cho bà H1 vay tiền trên, H đã thu lãi được 1.300.000 đồng, như vậy số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính là 1.209.041 đồng và 300.000 đồng tiền phí hồ sơ.

Cơ quan CSĐT mời bà H1 để tổ chức nhận dạng nhưng bà H1 không đến làm việc nên không tiến hành được.

14. Ngày 07/04/2019, T làm hồ sơ cho bà Ngô Thị Mỹ D (sinh năm: 1957; nơi cư trú: 67/C1 Đ, phường A, quận B) vay của H số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 230.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà D đã trả được 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.000.000 đồng và số tiền lãi là 600.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà D chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.644 đồng và trong 24 ngày là 39.452 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà D vay 3.000.000 đồng là  $600.000 \text{ đồng} - 39.452 \text{ đồng} = 560.548 \text{ đồng}$ .

Đến ngày 22/04/2019, bà D tiếp tục vay số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 200.000 đồng. Bà D đã trả được 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.000.000 đồng và số tiền lãi là 600.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà D chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.644 đồng và trong 24 ngày là 39.452 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà D vay 3.000.000 đồng là  $600.000 \text{ đồng} - 39.452 \text{ đồng} = 560.548 \text{ đồng}$ .

Tóm lại: các lần cho vay tiền trên, H đã thu lãi được 1.200.000 đồng, như vậy số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính là 1.121.096 đồng và 430.000 đồng tiền phí hồ sơ.

Tiến hành cho bà D nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà D nhận dạng được T là người làm hồ sơ và cho vay tiền.

15. Ngày 07/04/2019, T làm hồ sơ cho bà Huỳnh Thị Thanh N1 (sinh năm: 1968; nơi cư trú: 207/37 N, phường A, quận P) vay của H số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 200.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà N1 đã trả được 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.000.000 đồng và số tiền lãi là 600.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà N1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.644 đồng và trong 24 ngày là 39.452 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà N1 vay 3.000.000 đồng là 600.000 đồng - 39.452 đồng = 560.548 đồng.

Đến ngày 01/06/2019, bà N1 tiếp tục vay số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 150.000 đồng. Bà N1 đã trả được 10 ngày với tổng số tiền là 1.500.000 đồng. Như vậy, H chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này.

Tóm lại: các lần cho bà N1 vay tiền trên, H đã thu lãi được 600.000 đồng, như vậy số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính là 560.548 đồng và 350.000 đồng tiền phí hồ sơ.

Cơ quan CSĐT mời bà N1 để tổ chức nhận dạng nhưng bà N1 không đến làm việc nên không tiến hành được.

16. Ngày 10/04/2019, T làm hồ sơ cho bà Vương N2 (sinh năm: 1961; nơi cư trú: 11/29 N, phường A, quận B) vay của H số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 250.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, phí làm hồ sơ là 500.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà N2 đã trả được 10 ngày với tổng số tiền là 2.500.000 đồng thì không có khả năng đóng tiếp nên xin đáo hạn, sau khi trừ đi số tiền vay còn thiếu là 3.750.000 đồng, T đưa cho bà N2 số tiền còn lại là 1.500.000 đồng. Như vậy, bà N2 đã tất toán đối với khoản vay này, số tiền lãi mà bà N2 đã đóng là 1.250.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà N2 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 2.740 đồng và trong 25 ngày là 68.493 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà N2 vay 5.000.000 đồng là 1.250.000 đồng - 68.493 đồng = 1.181.507 đồng.

Sau khi vay đáo hạn, bà N2 đóng thêm được 06 ngày với tổng số tiền là 1.500.000 đồng. Sau đó, bà N2 tiếp tục trả thêm số tiền 2.500.000 đồng, tổng số tiền gốc bà N2 đã trả là 4.000.000 đồng, hiện bà N2 còn thiếu số tiền là

1.000.000 đồng mà bà thực nhận của H. Như vậy, H chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này.

Tiến hành cho bà Vương N2 nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà N2 nhận dạng được T là người làm hồ sơ và cho vay tiền.

17. Ngày 19/04/2019, T làm hồ sơ cho bà Trần Kim V (sinh năm: 1970; nơi cư trú: 65/14D N, phường A, quận P) vay của H số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 1.500.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 36.000.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà V đã trả được 24 ngày với tổng số tiền là 36.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 30.000.000 đồng và số tiền lãi là 6.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà V chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 16.438 đồng và trong 24 ngày là 394.521 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà V vay 30.000.000 đồng là 6.000.000 đồng - 394.521 đồng = 5.605.479 đồng. Cơ quan CSĐT mời bà V để tổ chức nhận dạng nhưng bà V không đến làm việc nên không tiến hành được.

18. Ngày 05/05/2019, T làm hồ sơ cho ông Nguyễn Văn A (sinh năm: 1963; nơi cư trú: 69/17/4 N, phường A, quận P) vay của H số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 20%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 120.000 đồng, trong thời gian 30 ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng. Người đi thu tiền là T, ông A đã trả được 13 ngày với tổng số tiền là 1.560.000 đồng thì không đủ khả năng đóng nữa nên xin đáo hạn. T trừ đi số tiền ông A đang thiếu là 2.040.000 đồng và tiếp tục đưa thêm số tiền vay còn thiếu là 960.000 đồng. Do vậy, đối với khoản vay này, ông A đã tắt toán và đóng số tiền lãi là 600.000 đồng. Theo cách tính như trên, ông A chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.644 đồng và trong 30 ngày là 49.315 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông A vay 3.000.000 đồng là 600.000 đồng - 49.315 đồng = 550.685 đồng.

Sau khi đáo hạn, ông A đã trả được 20 ngày với tổng số tiền là 2.400.000 đồng, như vậy số tiền mà ông A trả góp còn thiếu 600.000 đồng so với số tiền ông thực nhận của H. Như vậy, H chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này. Cơ quan CSĐT mời ông A để tổ chức nhận dạng nhưng ông A không đến làm việc nên không tiến hành được.

19. Ngày 11/05/2019, T làm hồ sơ cho bà Cao Thùy V (sinh năm: 1959; nơi cư trú: 45/4/28 Huỳnh Tịnh Của, phường 19, quận Bình Thạnh) vay của H số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 3.750.000 đồng, phí làm hồ sơ là 300.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà V đã trả được 17 ngày với tổng số tiền là 2.550.000 đồng thì xin T cho đáo hạn lại khoản vay này, T trừ đi

số tiền vay còn thiếu là 1.200.000 đồng và đưa cho bà V số tiền còn lại là 1.800.000 đồng, phí hồ sơ là 100.000 đồng. Như vậy, bà V đã tất toán đối với khoản vay này, theo cách tính như trên, bà V chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.644 đồng và trong 25 ngày là 41.096 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà V vay 3.000.000 đồng là 750.000 đồng - 41.096 đồng = 708.904 đồng.

Sau khi đáo hạn, bà V đã trả được 12 ngày với tổng số tiền là 1.800.000 đồng, như vậy bà V đã trả góp thiếu số tiền 1.100.000 đồng so với số tiền bà thực nhận của H. Như vậy, H chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này.

Tiến hành cho bà V nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà V nhận dạng được T là người làm hồ sơ và cho vay tiền.

20. Ngày 23/05/2019, T làm hồ sơ cho bà Trương Thị L5 (sinh năm: 1962; nơi cư trú: 194/50/89C B, phường A, quận B) vay của H số tiền 4.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 200.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, phí hồ sơ là 400.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà L5 đã trả được 10 ngày với tổng số tiền là 2.000.000 đồng thì xin đáo hạn khoản vay này. Sau khi trừ đi số tiền còn thiếu là 3.000.000 đồng, T đưa cho bà L5 số tiền còn lại là 1.000.000 đồng. Như vậy, bà L5 đã tất toán đối với khoản vay này, theo cách tính như trên, bà L5 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 2.192 đồng và trong 25 ngày là 54.795 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà L5 vay 4.000.000 đồng là 1.000.000 đồng - 54.795 đồng = 945.205 đồng.

Sau khi đáo hạn, bà L5 đã trả được 10 ngày với tổng số tiền là 2.000.000 đồng, như vậy, số tiền bà L5 trả góp còn thiếu số tiền 2.000.000 đồng mà bà thực nhận của H.

Tiến hành cho bà L5 nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà L5 nhận dạng được T là người làm hồ sơ và cho vay tiền.

Tóm lại: H cùng đồng bọn cho 20 người vay góp và hưởng lợi bất chính số tiền 65.882.329 đồng từ việc cho vay này.

\* Đối với những người vay tiền chưa tất toán:

1. Ngày 20/08/2014, H làm hồ sơ cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y (sinh năm: 1969; nơi cư trú: 102 Cù Lao Nguyễn Kiệu, phường 1, quận 4) vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 250.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 500.000 đồng. Người đi thu tiền là người của H (không rõ tên), bà Y đã trả được 18 ngày với tổng số tiền là 4.500.000 đồng và không đóng được nữa.

Tiến hành cho bà Y nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà Y nhận dạng được H là người cho vay tiền.

2. Ngày 01/06/2018, H làm hồ sơ cho bà Nguyễn Thị V (sinh năm: 1972; nơi cư trú: 13 đường 14, phường 11, quận 6) vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 250.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 500.000 đồng. Người đi thu tiền lúc đầu là H, sau này là K, bà V đã trả được 18 ngày với tổng số tiền là 4.500.000 đồng. Như vậy, H chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này.

Tiến hành cho bà V nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà V nhận dạng được H là người cho vay tiền, K là người đi thu tiền, H có đi cùng K.

3. Ngày 04/12/2018, H làm hồ sơ cho bà Nguyễn Thanh L4 (sinh năm: 1985; nơi cư trú: 201/9 H, Phường A, quận P) vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 23%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 400.000 đồng, trong thời gian 31 ngày với tổng số tiền là 12.400.000 đồng, phí làm hồ sơ là 1.500.000 đồng. Người đi thu tiền là H, bà L4 đã trả được 12 ngày với tổng số tiền là 4.800.000 đồng. Như vậy, H chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này.

4. Ngày 29/03/2019, T làm hồ sơ cho bà Nguyễn Thị Bích P1 (sinh năm: 1967; nơi cư trú: 243/24 Phan Đình Phùng, phường 15, quận Phú Nhuận) vay của H số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 3.750.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà P1 đã trả được 15 ngày với tổng số tiền là 2.250.000 đồng. Như vậy, H chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này.

5. Ngày 10/04/2019, T làm hồ sơ cho bà Lê T5i V (sinh năm: 1983; nơi cư trú: 79/1 Phạm Viết Chánh, phường 19, quận Bình Thạnh) vay của H số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 250.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, tiền phí làm hồ sơ là 500.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà V đã trả được 06 ngày với tổng số tiền là 1.500.000 đồng, sau đó bà V tiếp tục trả thêm số tiền 1.500.000 đồng, tổng số tiền gốc bà V đã trả là 3.000.000 đồng, hiện bà V còn thiếu số tiền 1.500.000 đồng so với số tiền bà thực nhận của H. Như vậy, H chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này.

Tiến hành cho bà V nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà V nhận dạng được T là người làm hồ sơ và cho vay tiền.

6. Ngày 30/05/2019, T làm hồ sơ cho bà Trần Thị Tuyết N3 (sinh năm: 1992; nơi cư trú: 88/24 N, phường L, quận B) vay của H số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 250.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, phí làm hồ sơ là 500.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà N3 đã trả được 08 ngày với tổng số tiền là 2.000.000

đồng, như vậy số tiền bà N3 trả góp còn thiếu 2.500.000 đồng so với số tiền mà bà thực tế vay của H. Như vậy, H chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này.

7. Ngày 16/04/2019, T làm hồ sơ cho bà Phạm Tuyết N4 (sinh năm: 1966; nơi cư trú: 129/23/1 H, phường L, quận P) vay của H số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 3.750.000 đồng, phí làm hồ sơ là 300.000 đồng. Người đi thu tiền là T, bà N4 đã trả được 12 ngày với tổng số tiền là 1.800.000 đồng. Như vậy, số tiền mà bà N4 trả góp còn thiếu là 900.000 đồng so với số tiền bà thực nhận của H. Như vậy, H chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này.

Tiến hành cho bà N4 nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà N4 nhận dạng được T là người làm hồ sơ và cho vay tiền.

– Vay đứng:

1. Ngày 22/03/2018, H làm hồ sơ cho bà Bùi Hồng N5 (sinh năm: 1992; nơi cư trú: 177/1 T, phường A, quận B) vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 50.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên, phí làm hồ sơ là 500.000 đồng. Người đi thu tiền lúc đầu là H, sau này là Tuấn A, Tiến T, bà N5 đã trả được 100 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 5.000.000 đồng. Bà N5 đã trả số tiền gốc là 4.000.000 đồng, hiện nay bà N5 còn thiếu số tiền gốc là 1.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà N5 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 2.740 đồng và trong 100 ngày là 273.973 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà N5 vay số tiền 5.000.000 đồng là 5.000.000 đồng - 273.973 đồng = 4.726.027 đồng.

Tiến hành cho bà N5 nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà N5 nhận dạng được H là người cho vay tiền, T và Tuấn A là người làm hồ sơ và thu tiền góp.

2. Ngày 01/04/2018, H làm hồ sơ cho bà Nguyễn Thị Ngọc T2 (sinh năm: 1973; nơi cư trú: 443/49 Điện Biên Phủ, phường 3, quận 3) vay số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 45%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 44.500 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Người đi thu tiền là 2 nam thanh niên, trong đó có 1 người tên Long, bà T2 đã trả được 150 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 6.675.000 đồng, hiện nay vẫn còn thiếu số tiền gốc là 3.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà T2 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.644 đồng và trong 150 ngày là 246.575 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà T2 vay số tiền 3.000.000 đồng là 6.675.000 đồng - 246.575 đồng = 6.428.425 đồng.

Tiến hành cho bà T2 nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà T2 nhận dạng được H là người cho vay tiền.

3. Ngày 12/04/2018, H làm hồ sơ cho bà Hồ Xuân H1 (sinh năm: 1963; nơi cư trú: 256 Tùng Thiện Vương, phường 11, quận 8) vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 15%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 250.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên, phí làm hồ sơ là 5.000.000 đồng. Người đi thu tiền là K, bà H1 đã trả được 420 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 105.000.000 đồng và đã trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà H1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 27.397 đồng và trong 420 ngày là 11.506.849 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà H1 vay số tiền 50.000.000 đồng là  $105.000.000 \text{ đồng} - 11.506.849 \text{ đồng} = 93.493.151 \text{ đồng}$ .

Tiến hành cho bà H1 nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà H1 nhận dạng được H là người cho vay tiền, K là người đi thu tiền.

4. Ngày 04/09/2018, H làm hồ sơ cho ông Phạm Anh L6 (sinh năm: 1976; nơi cư trú: 155/4A T, phường A, quận B) vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 100.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên, phí làm hồ sơ là 1.000.000 đồng. Người đi thu tiền là H, ông L6 đã trả được 172 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 17.200.000 đồng và đã trả số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, ông L6 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 172 ngày là 942.466 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông L6 vay số tiền 10.000.000 đồng là  $17.200.000 \text{ đồng} - 942.466 \text{ đồng} = 16.257.534 \text{ đồng}$ .

Tiến hành cho ông L6 nhận dạng qua ảnh, kết quả: ông L6 nhận dạng được H là người cho vay tiền.

5. Ngày 06/09/2018, H làm hồ sơ cho ông Lê Tấn L7 (sinh năm: 1982; nơi cư trú: 118/6 Trần Kế Xương, phường 7, quận Phú Nhuận) vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 45%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 150.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên, phí làm hồ sơ là 500.000 đồng. Người đi thu tiền là H, ông L7 đã trả được 165 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 24.750.000 đồng và đã trả số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, ông L7 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 165 ngày là 904.110 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông L7 vay số tiền 10.000.000 đồng là  $24.750.000 \text{ đồng} - 904.110 \text{ đồng} = 23.845.890 \text{ đồng}$ .

Đến ngày 21/09/2018, ông L7 tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 100.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Ông L7 đã trả được 150 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 15.000.000 đồng và đã trả số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, ông L7 chỉ phải trả

tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 150 ngày là 821.918 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông L7 vay số tiền 10.000.000 đồng là  $15.000.000 \text{ đồng} - 821.918 \text{ đồng} = 14.178.082 \text{ đồng}$ .

Đến ngày 01/05/2019, ông L7 tiếp tục vay của H số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 200.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Người đi thu tiền là H, ông L7 đã trả được 10 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 2.000.000 đồng và đã trả số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, ông L7 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 10.959 đồng và trong 10 ngày là 109.589 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông L7 vay số tiền 20.000.000 đồng là  $2.000.000 \text{ đồng} - 109.589 \text{ đồng} = 1.890.411 \text{ đồng}$ .

Như vậy: các lần cho vay tiền trên, H đã thu lãi được 41.750.000 đồng, số tiền lãi H cùng đồng bọn đã hưởng lợi bất chính là 39.914.384 đồng và 500.000 đồng tiền phí hồ sơ.

Cơ quan CSĐT mời ông L7 để tổ chức nhận dạng nhưng ông L7 không đến làm việc nên không tiến hành được.

6. Ngày 24/09/2018, T làm hồ sơ cho bà Huỳnh Thị Phi P2 (sinh năm: 1967; nơi cư trú: 76/41/4 P, phường B, quận K) vay của H số tiền 2.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 20.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Người đi thu tiền là T, bà P2 đã trả được 240 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, hiện nay vẫn còn thiếu số tiền gốc là 2.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà P2 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.096 đồng và trong 240 ngày là 263.014 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà P2 vay số tiền 2.000.000 đồng là  $4.800.000 \text{ đồng} - 263.014 \text{ đồng} = 4.536.986 \text{ đồng}$ .

Đến ngày 09/10/2018, bà P2 tiếp tục vay số tiền 2.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 20.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Người đi thu tiền là H, bà P2 đã trả được 180 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, hiện nay bà P2 còn thiếu số tiền gốc là 2.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, ông P2 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.096 đồng và trong 180 ngày là 197.260 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông P2 vay số tiền 2.000.000 đồng là  $3.600.000 \text{ đồng} - 197.260 \text{ đồng} = 3.402.740 \text{ đồng}$ .

Như vậy, các lần cho vay tiền trên, H đã thu tiền lãi là 8.400.000 đồng, số tiền lãi H và đồng bọn thu lợi bất chính là 7.939.726 đồng.

Cơ quan CSĐT mời bà P2 để tổ chức nhận dạng nhưng bà P2 không đến làm việc nên không tiến hành được.



7. Ngày 01/10/2018, H làm hồ sơ cho ông Phan Anh T1 (sinh năm: 1970; nơi cư trú: 45/2B N, phường H, quận P) vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 100.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Người đi thu tiền là H, ông T1 đã trả được 20 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 2.000.000 đồng và đã trả số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, ông T1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 20 ngày là 109.589 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông T1 vay số tiền 10.000.000 đồng là 2.000.000 đồng - 109.589 đồng = 1.890.411 đồng. Cơ quan CSĐT mời ông T1 để tổ chức nhận dạng nhưng ông T1 không đến làm việc nên không tiến hành được.

8. Ngày 12/10/2018, H làm hồ sơ cho ông Dương Hoàng L8 (sinh năm: 1987; nơi cư trú: 23/4/7 H, phường A, quận P) vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 15%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 50.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Người đi thu tiền là H, ông L8 chưa khai rõ đã trả được bao nhiêu ngày tiền lãi, hiện nay ông L8 còn thiếu số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

9. Ngày 18/04/2019, Tuấn A, Tiến T làm hồ sơ cho bà Hàng Phương A1 (sinh năm: 1979; nơi cư trú: 18 T, phường A, quận P) vay của H số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 100.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Người đi thu tiền là Tuấn A, bà A1 đã trả được 23 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 2.300.000 đồng, hiện nay bà A1 còn thiếu số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà A1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 23 ngày là 126.027 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà A1 vay số tiền 10.000.000 đồng là 2.300.000 đồng - 126.027 đồng = 2.173.973 đồng.

Đến ngày 18/05/2019, bà A1 tiếp tục vay của H số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 19%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 42 ngày với tổng số tiền là 6.300.000 đồng. Bà A1 đã trả được 23 ngày với tổng số tiền là 3.450.000 đồng, như vậy, số tiền mà bà A1 trả góp so với số tiền bà thực nhận của H còn thiếu là 1.550.000 đồng.

Cơ quan CSĐT mời bà Phương A1 để tổ chức nhận dạng nhưng bà Phương A1 không đến làm việc nên không tiến hành được.

10. Ngày 20/04/2019, H làm hồ sơ cho ông Nguyễn Quang H3 (sinh năm: 1966; nơi cư trú: 508/6D C, phường A, quận P) vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 15%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 50.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Người đi thu tiền là H, ông H3 đã trả được 40 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 2.000.000 đồng, hiện nay ông H3 còn thiếu số tiền gốc là 10.000.000

đồng. Theo cách tính như trên, ông H3 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 40 ngày là 219.178 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông H3 vay số tiền 10.000.000 đồng là 2.000.000 đồng - 219.178 đồng = 1.780.822 đồng. Cơ quan CSĐT mời ông H3 để tổ chức nhận dạng nhưng ông H3 không đến làm việc nên không tiến hành được.

11. Ngày 02/06/2019, T làm hồ sơ cho ông Nguyễn Tiến N1 (sinh năm: 1976; nơi cư trú: 76/47/2 P, phường A, quận PB) vay của H số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 150.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Người đi thu tiền là T, ông N1 đã trả được 10 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 1.500.000 đồng, hiện nay ông N1 còn thiếu số tiền gốc là 15.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, ông N1 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 8.219 đồng và trong 10 ngày là 82.192 đồng. Do vậy, số tiền H cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông N1 vay số tiền 15.000.000 đồng là 1.500.000 đồng - 82.192 đồng = 1.417.808 đồng. Cơ quan CSĐT mời ông N1 để tổ chức nhận dạng nhưng ông N1 không đến làm việc nên không tiến hành được.

Tóm lại: H cùng đồng bọn cho 11 người vay đứng và hưởng bất chính số tiền 195.398.973 đồng từ việc cho vay này.

❖ Những trường hợp V cùng đồng bọn cho vay tiền:

– Vay tiền góp:

\* Những người vay tiền có khoản vay đã tất toán:

1. Ngày 03/10/2018, K làm hồ sơ cho bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm: 1956; nơi cư trú: 1593/33 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8) vay của V số tiền 7.000.000 đồng với lãi suất 23%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 280.000 đồng, trong thời gian 31 ngày với tổng số tiền là 8.680.000 đồng, phí làm hồ sơ là 700.000 đồng, người đi thu tiền là K. Bà Đ đã trả góp được 31 ngày với tổng số tiền là 8.680.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 7.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.680.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà Đ chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 3.836 đồng và trong 31 ngày là 118.904 đồng. Do vậy, số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà Đ vay 7.000.000 đồng là 1.680.000 đồng - 118.904 đồng = 1.561.096 đồng.

Tiến hành cho bà Đ nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà Đ nhận dạng được V là người cho vay tiền, K là người làm hồ sơ và thu tiền góp.

2. Ngày 04/10/2018, V làm hồ sơ cho ông Lê Văn T4 (sinh năm: 1966; nơi cư trú: 168A4 T, phường E, quận P) vay của V số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 150.000 đồng, trong thời gian 24

ngày với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, phí làm hồ sơ là 300.000 đồng. Người đi thu tiền là V, ông T4 đã trả được 20 ngày với tổng số tiền là 3.000.000 đồng. Như vậy, ông T4 đã số tiền gốc là 3.000.000 đồng.

Đến ngày 08/10/2018, ông T4 vay tiếp của V số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 30.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Người đi thu tiền là V, ông T4 đã trả được 15 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 450.000 đồng, hiện nay ông T4 còn thiếu số tiền gốc là 3.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, ông T4 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 1.644 đồng và trong 15 ngày là 24.658 đồng. Do vậy, số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính là 425.342 đồng.

Như vậy: các lần cho vay tiền trên, V đã thu lãi được 425.342 đồng và 450.000 đồng tiền phí hồ sơ.

Cơ quan CSĐT mời ông T4 để tổ chức nhận dạng nhưng ông T4 không đến làm việc nên không tiến hành được.

3. Ngày 26/02/2019, K làm hồ sơ cho bà Hồ Mộng T5 (sinh năm: 1979; nơi cư trú: 40/40C Phan Chu Trinh, phường 24, quận Bình Thạnh) vay của V số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 23%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 800.000 đồng, trong thời gian 31 ngày với tổng số tiền là 24.800.000 đồng, người đi thu tiền là T. Bà T5 đã trả góp được 15 ngày với tổng số tiền 12.000.000 đồng thì không có khả năng trả nữa nên xin đáo hạn. Mỗi lần vay đáo hạn số tiền 20.000.000 đồng, K sẽ trừ đi số tiền còn thiếu của khoản vay trước là 12.800.000 đồng rồi đưa cho bà T5 số tiền còn lại là 7.200.000 đồng. Do vậy, bà T5 đã tắt toán khoản vay của mình, số tiền lãi bà T5 đã đóng là 4.800.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà T5 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 10.959 đồng và trong 31 ngày là 339.726 đồng. Do vậy, số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà T5 vay 20.000.000 đồng là  $4.800.000 \text{ đồng} - 339.726 \text{ đồng} = 4.460.274 \text{ đồng}$ . Sau khi vay đáo hạn bà T5 trả góp được 15 ngày thì tiếp tục xin vay đáo hạn thêm 02 lần và đã tắt toán đối với khoản vay này. Do vậy, tổng số tiền lãi bà T5 đã đóng là  $4.800.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ lần} = 14.400.000 \text{ đồng}$ , như vậy số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính là  $4.460.274 \text{ đồng} \times 3 \text{ lần} = 13.380.822 \text{ đồng}$ .

Cũng trong thời gian vay, bà T5 còn vay tiếp của V số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 500.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 12.500.000 đồng. Bà T5 đóng được 15 ngày với tổng số tiền là 7.500.000 đồng thì không có khả năng trả góp nữa nên xin vay đáo hạn vay số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền còn thiếu là 5.000.000 đồng, K đưa cho bà T5 số tiền vay còn thiếu là 5.000.000 đồng. Như vậy, bà T5 đã tắt toán đối với khoản vay này, bà T5 đã đóng số tiền lãi là

2.500.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà T5 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 5.479 đồng và trong 25 ngày là 136.986 đồng. Do vậy, số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng. Sau khi vay đáo hạn 01 lần, bà T5 cũng đã tắt toán đối với khoản vay này. Do vậy, tổng tiền lãi bà T5 đã đóng là 5.000.000 đồng, như vậy số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính là 4.726.027 đồng.

Ngoài ra, bà T5 còn phải nộp phí làm hồ sơ vay là 2.000.000 đồng cho khoản vay 20.000.000 đồng và 500.000 đồng cho khoản vay 10.000.000 đồng, phí đáo hạn là 400.000 đồng cho khoản vay 20.000.000 đồng và 200.000 đồng cho khoản vay 10.000.000 đồng với tổng số tiền là 3.500.000 đồng.

Tóm lại: số tiền lãi mà bà T5 đã đóng là 19.400.000 đồng, như vậy số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính là 18.106.849 đồng và số tiền phí làm hồ sơ là 3.500.000 đồng.

Tiến hành cho bà T5 nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà T5 nhận dạng được K là người làm hồ sơ cho vay, T là người đi thu tiền góp.

4. Ngày 06/03/2019, K làm hồ sơ cho bà Nguyễn Thị Mỹ T2 (sinh năm: 1969; nơi cư trú: 126B Võ Trứ, phường 9, quận 8) vay của V số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 23%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 200.000 đồng, trong thời gian 31 ngày với tổng số tiền là 6.200.000 đồng, phí hồ sơ là 600.000 đồng. Người đi thu tiền là K, bà T2 đã trả được 15 ngày với tổng số tiền là 3.000.000 đồng thì không có khả năng trả nữa nên xin K cho đáo hạn, K sẽ trừ đi số tiền còn thiếu của khoản vay trước đó là 3.200.000 đồng rồi đưa cho bà T2 số tiền vay còn lại là 1.800.000 đồng. Do vậy, bà T2 đã tắt toán khoản vay này, số tiền lãi bà T2 đã đóng là 1.200.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà T2 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 2.740 đồng và trong 31 ngày là 84.932 đồng. Do vậy, số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà T2 vay 5.000.000 đồng là 1.200.000 đồng - 84.932 đồng = 1.115.068 đồng.

Sau khi đáo hạn, bà T2 tiếp tục trả góp được 15 ngày nữa với tổng số tiền là 3.000.000 đồng thì không có khả năng chi trả nên đề nghị được trả tiền gốc. Sau đó, bà T2 tiếp tục trả thêm số tiền 900.000 đồng. Như vậy, V chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này.

Tiến hành cho bà T2 nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà T2 nhận dạng được K là người làm hồ sơ cho vay và thu tiền góp.

5. Ngày 08/03/2019, K làm hồ sơ cho bà Nguyễn Kim H3 (sinh năm: 1971; nơi cư trú: 158 A, phường 10, quận 8) vay của V số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 20%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 200.000 đồng, trong thời gian 30 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng. Người đi thu tiền là K, bà H3 đã trả

được 30 ngày với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà H3 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 2.740 đồng và trong 30 ngày là 82.192 đồng. Do vậy, số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà H3 vay 5.000.000 đồng là 1.000.000 đồng - 82.192 đồng = 917.808 đồng.

Tiến hành cho bà H3 nhận dạng qua ảnh, kết quả: bà H3 nhận dạng được K là người làm hồ sơ cho vay và thu tiền góp.

6. Ngày 04/05/2019, H làm hồ sơ cho bà Đỗ Thị Thu H4 (sinh năm: 1990; nơi cư trú: 839/21, phường A, quận B) vay của V số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 250.000 đồng, trong thời gian 25 ngày với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, phí làm hồ sơ là 500.000 đồng. Người đi thu tiền là H, bà H4 đã trả được 25 ngày với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.250.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà H4 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 2.740 đồng và trong 25 ngày là 68.493 đồng. Do vậy, số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho bà H4 vay 5.000.000 đồng là 1.250.000 đồng - 68.493 đồng = 1.181.507 đồng.

Tóm lại: V cùng đồng bọn cho 06 người vay góp và hưởng lợi bất chính số tiền 22.882.329 đồng từ việc cho vay này

\* Người vay tiền chưa tất toán:

Ngày 19/04/2019, K làm hồ sơ cho bà Nguyễn Thị H5 (sinh năm: 1970; nơi cư trú: 69/24A, phường A, quận P) vay của V số tiền 4.000.000 đồng với lãi suất 25%/1 tháng, mỗi ngày trả góp số tiền 200.000 đồng, trong thời gian 24 ngày với tổng số tiền là 4.800.000 đồng. Người đi thu tiền là K, bà H5 đã trả được 4 ngày với tổng số tiền là 800.000 đồng. Như vậy, số tiền mà bà H5 đóng thiếu so với số tiền bà nhận thực tế của V là 3.200.000 đồng. Như vậy, V chưa hưởng tiền lãi đối với khoản vay này.

– Vay tiền đứng:

1. Ngày 25/04/2019, V làm hồ sơ cho bà Nguyễn Vinh Ngọc T5 (sinh năm: 1979; nơi cư trú: 181/43/5, phường A, quận P) vay số tiền 80.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 800.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Người đi thu tiền là K, bà T5 đã trả được 45 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 36.000.000 đồng, hiện nay bà T5 còn thiếu số tiền gốc là 80.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà T5 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 43.836 đồng và trong 45 ngày là 1.972.603 đồng. Do vậy, số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính là 34.027.397 đồng. Cơ quan CSĐT mời bà T5 để tổ chức nhận dạng nhưng bà T5

không đến làm việc nên không tiến hành được.

2. Ngày 28/05/2019, V làm hồ sơ cho ông Nguyễn Vũ H8 (sinh năm: 1982; nơi cư trú: 96/55 Phan Đình Phùng, phường 2, quận Phú Nhuận) vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 200.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Người đi thu tiền là V, ông H8 đã trả được 14 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 2.800.000 đồng, hiện nay ông H8 còn thiếu số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, bà H8 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 10.959 đồng và trong 14 ngày là 153.425 đồng. Do vậy, số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính là 2.646.575 đồng. Cơ quan CSĐT mời bà Thương để tổ chức nhận dạng nhưng bà Thương không đến làm việc nên không tiến hành được.

Đến ngày 04/06/2019, ông H8 tiếp tục vay của V số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 30%/1 tháng, mỗi ngày trả lãi số tiền 300.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Ông H8 đã trả được 7 ngày tiền lãi với tổng số tiền là 2.100.000 đồng, hiện nay H8 còn thiếu số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Theo cách tính như trên, ông H8 chỉ phải trả tiền lãi cao nhất theo quy định được pháp luật cho phép mỗi ngày là 16.438 đồng và trong 7 ngày là 115.068 đồng. Do vậy, số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính là 1.984.932 đồng.

Tóm lại, những lần cho vay trên, tổng số tiền V cùng đồng bọn thu lợi bất chính trong việc cho ông H8 vay là 4.631.507 đồng.

Cơ quan CSĐT mời ông H8 để tổ chức nhận dạng nhưng ông H8 không đến làm việc nên không tiến hành được.

Tóm lại: V cùng đồng bọn cho 02 người vay đứng và hưởng lợi bất chính số tiền 39.398.973 đồng từ việc cho vay này.

Tổng số tiền H, V sử dụng cho 47 người vay là 810.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 322.931.539 đồng, ngoài ra H, V còn thu thêm tiền phí cho vay là 28.530.000 đồng. Do đó, tổng số tiền H, V thu lợi bất chính là 351.461.539 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Ngọc H, Trần Tuyết V, Nguyễn Tiến T và Nguyễn Tuấn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 1270/KLGD-H ngày 24/6/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“- Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m<sub>1</sub> là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,4227g (bốn phẩy bốn hai hai bảy gam), loại Ketamine.

- 07 viên nén màu xanh rêu có khắc chữ “Red bull” và 01 mảnh vụn viên nén màu xanh rêu được ký hiệu mẫu m<sub>2</sub> có khối lượng 3,2229g (ba phẩy hai hai hai chín gam), không tìm thấy ma túy.

- 01 mảnh vụn viên nén màu xanh dương được ký hiệu mẫu m<sub>3</sub> là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2337g (không phẩy hai ba ba bảy gam), loại MDMA.
- 12 viên nén màu xanh lá cây và 02 mảnh vụn viên nén màu xanh lá cây được ký hiệu mẫu m<sub>4</sub> là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,2740g (bốn phẩy hai bảy bốn không gam), loại MDMA.
- 07 viên nén màu vàng được ký hiệu mẫu m<sub>5</sub> là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,7852g (hai phẩy bảy tám năm hai gam), loại MDMA.
- Bột màu vàng được ký hiệu mẫu m<sub>6</sub> là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,3073g (một phẩy ba không bảy ba gam), loại MDMA.
- 03 viên nén tròn màu xám được ký hiệu mẫu m<sub>7</sub> là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,1448g (một phẩy một bốn bốn tám gam), loại Tenamphetamine (MDA)."

Tại Kết luận giám định số 1091/KLGD-TT ngày 18/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Khẩu súng ngắn có hình dáng giống súng Rulo ổ quay không có hiệu và số súng gửi giám định là loại súng sử dụng khí nén bắn đạn bi nhưng đã được chế lại một số bộ phận để sử dụng loại đạn thể thao quốc phòng cỡ 5,6mm × 15,6mm. Các bộ phận của súng hoạt động bình thường, bắn được đạn nổ. Căn cứ kết quả bắn thực nghiệm; căn cứ quy định tại Khoản 6, Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Quốc Hội ban hành ngày 20/6/2017 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2018) thì khẩu súng ngắn gửi giám định có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí thể thao.

- Bốn (04) viên đạn có cùng ký hiệu "C" gửi đến giám định là loại đạn thể thao quốc phòng cỡ 5,6mm × 15,6mm chưa qua sử dụng. Căn cứ quy định tại Điểm a Khoản 5, Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2018) thì 04 (bốn) viên đạn gửi giám định thuộc nhóm vũ khí thể thao.

- Dấu vết để lại trên đầu đạn, vỏ đạn do khẩu súng gửi giám định bắn ra không trùng giống với dấu vết để lại trên đầu đạn, vỏ đạn của đạn thể thao quốc phòng thu giữ trong các vụ án xảy ra trước đây hiện đang lưu trữ tại Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Công an và Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ danh mục công cụ hỗ trợ ban hành theo Thông tư số 16/2018/TBCA ngày 15/5/2018 của Bộ Công an và quy định tại điểm e, khoản 11, Điều 3 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2018) thì các đối tượng gửi giám định ký hiệu từ số 3 đến số 5 (đã nêu ở mục II) có tính năng, tác dụng tương tự như công cụ hỗ trợ."

Tại bản Cáo trạng số 508/CTr-VKS-P2 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Phạm Ngọc H, Trần Tuyết V

về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo điểm n khoản 2 Điều 249 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Vũ Trung K, Nguyễn Tiến T, Ngô Hoàng H, Nguyễn Tuấn A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Các bị cáo Phạm Ngọc H, Trần Tuyết V, Vũ Trung K, Nguyễn Tiến T, Ngô Hoàng H, Nguyễn Tuấn A khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; khoản 2, khoản 3 Điều 201 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

+ Xử phạt Phạm Ngọc H từ 06 năm đến 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Xử phạt Phạm Ngọc H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Tổng hợp hình phạt: 08 năm 06 tháng đến 10 năm tù.

- Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249; khoản 2, khoản 3 Điều 201 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

+ Xử phạt Trần Tuyết V từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Xử phạt Trần Tuyết V từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Tổng hợp hình phạt: 07 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt Nguyễn Tiến T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt Nguyễn Tuấn A từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt Ngô Hoàng H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.



Xử phạt Vũ Trung K từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử lý vật chứng theo qui định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo cũng không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, quá trình điều tra vụ án và xét hỏi tại phiên tòa thể hiện lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được, bản kết luận giám định... Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 10/6/2019, tại nhà số 28/17, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Ngọc H và Trần Tuyết V đã cất giấu nhiều túi nylon chứa các chất ma túy ở thể rắn tại lavabo trong phòng vệ sinh của căn phòng tại lầu 2 căn nhà với mục đích để sử dụng. Theo Kết luận giám định số 1270/KLGD-H ngày 24/6/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh gồm: 8,6002 gam MDMA, 4,4227 gam Ketamine và 1,1448 gam Tenamphetamine.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo H, V về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Tháng 02 năm 2019, H và V là vợ chồng, thuê nhà tại địa chỉ 28/17 H, Phường B, quận P để hoạt động cho vay. H, V thuê các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Tiến T, Ngô Hoàng H, Vũ Trung K đi rải tờ rơi, sử dụng card điện thoại để quảng cáo việc cho vay và làm thủ tục hồ sơ vay tiền, xác minh nơi ở người vay, đi thu tiền lãi, tiền góp hàng ngày. H, V trả tiền công mỗi người từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng.

Khi tìm được khách vay tiền thì H, V soạn thảo hợp đồng vay và yêu cầu người vay tiền thế chấp các giấy tờ như sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe, hoặc các giấy tờ liên quan đến người

vay (bản chính hoặc bản photocopy). Số tiền cho vay từ 2.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng theo 02 hình thức:

Vay tiền góp: lãi suất từ 15% đến 30%/tháng (tương đương 180% đến 360%/năm), cộng với tiền gốc vay chia đều đóng hàng ngày trong khoảng từ 24 - 42 ngày.

Vay tiền đứng: người vay trả lãi với mức lãi suất 1% đến 1,5%/ngày (tương đương 30% đến 45%/tháng, tương đương 360% đến 540%/năm), khi nào người vay có khả năng trả hết tiền gốc thì không đóng tiền lãi nữa.

Ngoài ra, khi vay và đáo hạn, người vay còn có thể đóng thêm phí làm hồ sơ.

Các bị cáo đã thực hiện cho 47 người vay bao gồm 19 lượt vay đứng, 58 lượt vay trả góp, với tổng số tiền 810.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 359.037.362 đồng, ngoài ra H, V còn thu thêm tiền phí cho vay là 33.180.000 đồng. Do đó, tổng số tiền H, V thu lợi bất chính là 392.217.362 đồng.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Các bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi mong muốn có thu nhập cao mà các bị cáo vẫn cố ý vi phạm. Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế và trật tự an toàn xã hội.

### [3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo V, K, H chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, bị cáo T là người dân tộc thiểu số nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

### [4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Tuấn A chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội trong vụ án này là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo H và T có nhân thân xấu nên Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

[5] Theo Kết luận giám định số 1091/KLGD-TT ngày 18/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, có căn cứ xác định: Phạm Ngọc H có hành vi tàng trữ 01 khẩu súng ngắn và 04 viên đạn qua giám định là vũ khí thể thao và các công cụ hỗ trợ, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo về địa phương để biết, theo dõi, quản lý.

Đối với đối tượng tên Phương, bán ma túy cho H và V, do H và V khai không biết về nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ để xử lý.

Ngày 02/01/2019, V làm hồ sơ cho chị Đào Nguyễn Phương A1 (sinh năm: 1987; nơi cư trú: 20 N, phường A, quận T) vay của V số tiền 250.000.000 đồng với lãi suất 5%/1 tháng, mỗi tháng trả lãi số tiền 12.500.000 đồng, tiền gốc thì giữ nguyên. Người đi thu tiền là V, chị A1 đã trả được 3 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 37.500.000 đồng và đã trả số tiền gốc là 250.000.000 đồng. Do khoản vay này V cho vay với mức lãi suất đúng theo quy định pháp luật nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

[6] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền gốc bị cáo H, V sử dụng vào việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 564.458.417 đồng. Số tiền này là công cụ, phương tiện bị cáo phạm tội nên tịch thu để nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi 27.632.329 đồng bao gồm 8.440.548 đồng là tiền lãi từ việc cho vay góp và 19.191.781 đồng là tiền lãi từ việc cho vay đúng, tương ứng với lãi suất 20%/năm bị cáo được hưởng theo quy định Nhà nước là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính là 392.217.362 đồng bao gồm 359.037.362 đồng do vượt quá mức lãi suất quy định trên 20% và phí cho vay là 33.180.000 đồng nên buộc bị cáo có trách nhiệm nộp lại để trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên ghi nhận yêu cầu của những người vay không yêu cầu nhận lại số tiền trên, nên buộc bị cáo H và V nộp lại số tiền 392.217.362 đồng để tịch thu nộp sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền gốc bị cáo H và V chưa thu được (tiền gốc của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả) phải buộc những người này này có trách nhiệm nộp lại để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Bà Trương

Thị L5 phải nộp 1.076.712 đồng; Bà Trần Thị Tuyết N3 phải nộp 3.021.918 đồng; Bà Cao Thùy V phải nộp 510.822 đồng; Bà Huỳnh Thị Thanh N1 nộp 955.890 đồng; Bà Nguyễn Thanh L4 nộp 5.265.753 đồng; Ông Nguyễn Văn A nộp 82.192 đồng.

[6] Xử lý vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 bì thư màu trắng đã niêm phong, bên ngoài có con dấu có nội dung “CÔNG AN PHƯỜNG 15 – CÔNG AN Q.PHÚ NHUẬN – TP. HỒ CHÍ MINH” và các chữ ký đứng tên: Đại úy Phan Tấn Quốc, Trần Vĩnh Phước, Trần Tuyết V và Phạm Ngọc H (khối lượng khoảng 13,0088 g); 01 (một) roi điện màu đen; 01 (một) cây súng kim loại màu bạc; 04 (bốn) viên đạn bằng kim loại; 01 (một) cồng số 8; 01 (một) cây dũa 3 khúc màu trắng là vật cấm lưu hành và vật không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59E1-815.87, số máy: JF66E-0688741, số khung: Y-088699; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59E1-917.02, số máy: JF66E-0594687; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, imei: 359411086652337 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện. imei ở khay sim: 359411086652337); 01 (một) Điện thoại di động hiệu Iphone, imei khe sim: 357269092457472 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện. imei ở khay sim: 357269092457472); 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, imei số: 354179107324901 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện); 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59E1-881.75, số khung: 58LXGY521896, số máy JF66E0461447, 01 giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59E1-881.75; 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59V2-212.68, số máy JF33E0037591; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, imei số: 354429064312997 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện. imei ở khay sim: 354429064312997); 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, imei số: 352892104910710 (màu xanh, không kiểm tra được imei do không có nguồn điện); 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, imei: 359176078875569 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện), các bị cáo dùng để liên lạc và phương tiện đi lại thực hiện việc cho vay, là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- 01 (một) Hộ chiếu đứng tên Phạm Ngọc H; 01 (một) Căn cước công dân đứng tên Phạm Ngọc H; 01 (một) Chứng minh nhân dân đứng tên Phạm Ngọc H; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng B2 đứng tên Phạm Ngọc H; 01 (một) Thẻ Visa Debit ngân hàng ACB đứng tên Phạm Ngọc H; 01 (một) Thẻ Visa Debit ngân hàng Techcombank đứng tên Phạm Ngọc H; 01 (một) Thẻ hội viên của tổ chức du lịch Hopeful Travel, đây là giấy tờ tùy thân cùng các thẻ ngân hàng của

bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc H.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH biển số 29C1-589.53, số máy: KF25E-0000366, số khung: RLHKF2507GY000312; 01 (một) xe mô tô hiệu Piaggio Vespa biển số 59E1-869.24, số máy: M82EM-5027127; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 29C1-589.53; 01 (một) Hộ chiếu đứng tên Trần Tuyết V; 01 (một) Căn cước công dân đứng tên Trần Tuyết V; 02 (hai) Chứng minh nhân dân đứng tên Trần Tuyết V; 01 (một) Thẻ Visa số 4221498678738791; 01 (một) Thẻ Visa số 4283100001441268; 01 (một) Thẻ VP Bank số 9704320854109800; 01 (một) Thẻ Sacombank số 5174160001231829; 01 (một) Thẻ VP Bank số 5243943014034794; 01 (một) Máy vi tính hiệu Macbook Air, số seri: C1MQ40ZWG944, là giấy tờ tùy thân, các thẻ ngân hàng, máy tính xách tay của bị cáo V không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Trần Tuyết V.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, imei số: 356726080486699 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện. imei ở khay sim: 356726080486699) bị cáo T sử dụng để liên lạc với gia đình, bạn bè không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến T.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony, imei số: 358121090194907 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện) bị cáo K sử dụng để liên lạc với gia đình, bạn bè không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Vũ Trung K.

(Có cần tạm giữ các tài sản của H và V để đảm bảo thi hành án không ạ?)

- Trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, K được trả công số tiền 45.000.000 đồng; T được trả công số tiền 35.000.000 đồng; H được trả công số tiền 12.000.000 đồng; Tuấn A được trả công số tiền 4.000.000 đồng. Đây là khoản tiền thu lợi bất chính do đó, buộc các bị cáo nộp lại sung ngân sách Nhà nước.

- Xét các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không phạt tiền đối với các bị cáo về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Đối với H và V đối với hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, xét cần phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Các vấn đề khác:

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm n khoản 2, khoản 5 Điều 249; khoản 2 Điều 201 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt Phạm Ngọc H 06 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Phạt tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Xử phạt Phạm Ngọc H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Tổng hợp hình phạt: 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2019.

2. Căn cứ điểm n khoản 2, khoản 5 Điều 249; khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt Trần Tuyết V từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Phạt tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Xử phạt Trần Tuyết V từ 02 (hai) năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Tổng hợp hình phạt: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2019.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt Nguyễn Tiến T từ 02 (hai) năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án hình sự sơ thẩm số 36/2021/HSST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2020.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt Nguyễn Tuấn A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

5. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt Ngô Hoàng H từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2021.

6. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt Vũ Trung K 02 năm (hai) tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2021.

7. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư màu trắng đã niêm phong, bên ngoài có con dấu có nội dung “CÔNG AN PHƯỜNG 15 – CÔNG AN Q.PHÚ NHUẬN – TP. HỒ CHÍ MINH” và các chữ ký đứng tên: Đại úy Phan Tấn Quốc, Trần Vĩnh Phước, Trần Tuyết V và Phạm Ngọc H (khối lượng khoảng 13,0088 g); 01 (một) roi điện màu đen; 01 (một) cây súng kim loại màu bạc; 04 (bốn) viên đạn bằng kim loại; 01 (một) còng số 8; 01 (một) cây dũa 3 khúc màu trắng.

- Tịch thu sung công quỹ: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59E1-815.87, số máy: JF66E-0688741, số khung: Y-088699; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59E1-917.02, số máy: JF66E-0594687; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, imei: 359411086652337 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện. imei ở khay sim: 359411086652337); 01 (một) Điện thoại di động hiệu Iphone, imei khe sim: 357269092457472 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện. imei ở khay sim: 357269092457472); 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, imei số: 354179107324901 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện); 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59E1-881.75, số khung: 58LXGY521896, số máy JF66E0461447, 01 giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59E1-881.75; 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59V2-212.68, số máy JF33E0037591; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, imei số: 354429064312997 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện. imei ở khay sim: 354429064312997); 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, imei số: 352892104910710 (màu xanh, không kiểm tra được imei do không có nguồn điện); 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, imei: 359176078875569 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện).

- Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc H: 01 (một) Hộ chiếu đứng tên Phạm Ngọc H; 01 (một) Căn cước công dân đứng tên Phạm Ngọc H; 01 (một) Chứng minh nhân dân đứng tên Phạm Ngọc H; 01 (một) Giấy phép lái xe hạng B2 đứng tên Phạm Ngọc H; 01 (một) Thẻ Visa Debit ngân hàng ACB đứng tên Phạm Ngọc

H; 01 (một) Thẻ Visa Debit ngân hàng Techcombank đứng tên Phạm Ngọc H;  
01 (một) Thẻ hội viên của tổ chức du lịch Hopeful Travel.

- Trả lại cho bị cáo Trần Tuyết V: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH biển số 29C1-589.53, số máy: KF25E-0000366, số khung: RLHKF2507GY000312; 01 (một) xe mô tô hiệu Piaggio Vespa biển số 59E1-869.24, số máy: M82EM-5027127; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 29C1-589.53; 01 (một) Hộ chiếu đứng tên Trần Tuyết V; 01 (một) Căn cước công dân đứng tên Trần Tuyết V; 02 (hai) Chứng minh nhân dân đứng tên Trần Tuyết V; 01 (một) Thẻ Visa số 4221498678738791; 01 (một) Thẻ Visa số 4283100001441268; 01 (một) Thẻ VP Bank số 9704320854109800; 01 (một) Thẻ Sacombank số 5174160001231829; 01 (một) Thẻ VP Bank số 5243943014034794; 01 (một) Máy vi tính hiệu Macbook Air, số seri: C1MQ40ZWG944.

- Trả lại cho Nguyễn Tiến T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, imei số: 356726080486699 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện. imei ở khay sim: 356726080486699).

- Trả lại cho Vũ Trung K: 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony, imei số: 358121090194907 (không kiểm tra được imei do không có nguồn điện).

(Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2021/116 ngày 04/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Phạm Ngọc H và Trần Tuyết V nộp lại số tiền thu lợi bất chính 392.037.362 (ba trăm chín mươi hai triệu không trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi hai) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Vũ Trung K nộp lại số tiền thu lợi bất chính 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Nguyễn Tiến T nộp lại số tiền thu lợi bất chính 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Ngô Hoàng H nộp lại số tiền thu lợi bất chính 12.000.000 (mười hai triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Nguyễn Tuấn A nộp lại số tiền thu lợi bất chính 4.000.000 (bốn triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Bà Trương Thị L5 phải nộp 1.076.712 (một triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm mười hai) đồng; Bà Trần Thị Tuyết N3 phải nộp 3.021.918 (ba triệu không trăm hai mươi một ngàn chín trăm mười tám) đồng; Bà Cao Thùy V phải nộp 510.822 (năm trăm mười ngàn tám trăm hai mươi hai) đồng; Bà Huỳnh Thị Thanh N1 nộp 955.890 (chín trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm chín mươi) đồng; Bà Nguyễn Thanh L4 nộp 5.265.753 (năm triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi ba) đồng; Ông Nguyễn Văn A nộp 82.192 (tám mươi hai ngàn một trăm chín mươi hai) đồng.



8. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (5)
- Bị cáo; (6)
- NCQLNVLQ; (49)
- Thi hành án hình sự; (5)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (6)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (85) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Vân**